



DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATIONS

(Kèm theo Quyết định số / Attachment with decision: /QĐ-VPCNCL
ngày tháng 03 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Kỹ thuật**

Laboratory: **Technical Department**

Tổ chức/ Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH Hiệu chuẩn và Công nghệ Kim Long**

Organization: **Kim Long Calibration and Technologies Company Limited**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Đo lường - Hiệu chuẩn**

Field of testing: **Measurement - Calibration**

Người quản lý: **Nguyễn Minh Chí**

Laboratory manager:

Số hiệu/ Code: **VILAS 1569**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **Kể từ ngày /03/2025 đến ngày /03/2030**

Địa chỉ/ Address: **Số 111 Lương Định Của, Khu phố 3, phường An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh**

Địa điểm/ Location: **Số 111 Lương Định Của, Khu phố 3, phường An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh**

Điện thoại/ Tel: 08.62818479

Fax: 08.62818479

E-mail: info@kimlongcom.com

Website: www.kimlongcom.com

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATIONS

VILAS 1569

Lĩnh vực hiệu chuẩn: Hóa Lý

Field of calibration: Physics - Chemical

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ^{1/} <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
1.	Máy đo độ dẫn điện (x) <i>Conductivity meter</i>	(5 ~ 2 000) µS/cm	KQT-CD-01:2024	3,2 %
2.	Máy đo pH (x) <i>pH meter</i>	(0 ~ 14) pH	KQT-17-20SC-42:2024	0,04 pH

Lĩnh vực hiệu chuẩn: Dung tích – Lưu lượng

Field of calibration: Volume - Flow

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ^{1/} <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
1.	Thiết bị đo tốc độ gió kiểu nhiệt <i>Hot - wire Anemometer</i>	(2,5 ~ 15) m/s	KQT-33K6-4-1769-1:2025	0,35 m/s
2.	Burets <i>Burets</i>	(100 ~ 5 000) µL (10 ~ 25) mL (50 ~ 100) mL	KQT-VO-01:2024	1 µL 9 µL 19 µL
3.	Pipet chia độ <i>Graduated pipettes</i>	(100 ~ 2000) µL (5 ~ 25) mL	KQT-VO-01:2024	1,6 µL 7,7 µL
4.	Pipet một mức <i>Single-volume pipettes</i>	(0 ~ 5) mL (10 ~ 25) mL (50 ~ 100) mL	KQT-VO-01:2024	2 µL 3 µL 10 µL
5.	Pipet pít tông <i>Pipettes Piston</i>	(20 ~ 100) µL (100 ~ 1 000) µL (1000 ~ 5 000) µL (5000 ~ 10 000) µL	KQT-VO-01:2024	0,91 µL 0,99 µL 1,13 µL 1,61 µL
6.	Bình định mức <i>Volumetric Flasks</i>	(10 ~ 25) mL (50 ~ 100) mL (200 ~ 250) mL (500 ~ 1 000) mL 2 000 mL 5 000 mL	KQT-VO-01:2024	0,01 mL 0,02 mL 0,08 mL 0,1 mL 0,2 mL 0,8 mL

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATIONS

VILAS 1569

Lĩnh vực hiệu chuẩn: Nhiệt

Field of calibration: Temperature

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ^{1/} <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
1.	Phương tiện đo nhiệt độ - độ ẩm không khí <i>Relative Humidity - Temperature Meters</i>	(20 ~ 90) % RH (-40 ~ 70) °C	KQT-33K5-4-84-1:2024	2,5 % RH 0,5 °C
2.	Thiết bị đo nhiệt độ hồng ngoại (x) <i>Infrared Temperature-Measuring Instruments</i>	(0 ~ 100) °C (100 ~ 200) °C (200 ~ 400) °C (400 ~ 600) °C (600 ~ 800) °C (800 ~ 930) °C	KQT-33K4-4-615:2024	1,5 °C 2,5 °C 3 °C 4 °C 6 °C 7 °C
3.	Tủ ẩm, Tủ sấy (x) <i>Incubator, Dry Oven</i>	(-40 ~ 200) °C	KQT-CHDO-2015:2024	1.3 °C
4.	Tủ nhiệt ẩm (x) <i>Temperature & Humidity Chamber</i>	(20 ~ 60) % RH (60 ~ 90) % RH (0 ~ 100) °C	KQT-CHDO-2015:2024	3,0 % RH 4,0 % RH 0,6 °C
5.	Nhiệt kế chỉ thị hiện số và tương tự (x) <i>Thermometer</i>	Cặp nhiệt điện K, T (-40 ~ 150) °C (150 ~ 300) °C (300 ~ 650) °C Cảm biến PT-100 (-40 ~ -20) °C (-20 ~ 150) °C (150 ~ 300) °C (300 ~ 650) °C	KQT-33K5-4-42-1:2024	Cặp nhiệt điện K, T 0,5 °C 1,4 °C 2,6 °C Cảm biến PT-100 0,5 °C 0,05 °C 0.4 °C 2,5 °C

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN**LIST OF ACCREDITED CALIBRATIONS****VILAS 1569****Lĩnh vực hiệu chuẩn: Âm thanh – Tần số****Field of calibration: Acoustic - Frequency**

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ^{1/} <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
1.	Máy đo độ ồn (x) <i>Sound level meter</i>	94 dB và/ <i>and</i> 114 dB tại/ <i>at</i> 1000 Hz	KQT-33K3-4-2911-1: 2024	0,60 dB
2.	Máy đo tốc độ vòng quay kiểu tiếp xúc (x) <i>Contact Tachometer</i>	(250 ~ 4 800) r/min	KQT-17-20MA-03: 2024	1,7 r/min
3.	Máy đo tốc độ vòng quay kiểu không tiếp xúc (x) <i>Non-Contact Tachometer</i>	(60 ~ 600) r/min (600 ~ 96 000) r/min	KQT-17-20MA-03: 2024	0,1 r/min 0,9 r/min

Chú thích/ Note:

- KQT-xx: Quy trình hiệu chuẩn do PTN xây dựng/ *Laboratory developed methods*;

- (x): Hiệu chuẩn tại hiện trường/ *Onsite calibration*.

(1) Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, dùng hệ số phủ $k=2$ và công bố tối đa tới 02 chữ số có nghĩa. *Calibration and Measurement Capability (CMC) expressed as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, using a coverage factor $k=2$ and expressed with maximum 02 significance digits.*

- Trường hợp Công ty TNHH Hiệu chuẩn và Công nghệ Kim Long cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường thì Công ty TNHH Hiệu chuẩn và Công nghệ Kim Long phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này./ *It is mandatory for the Kim Long Calibration and Technologies Company Limited that provides the calibration, testing of measuring instruments, measurement standard services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the services.*